|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG**  **TỔ SỬ-ĐỊA-ANH-GDCD** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ KHỐI LỚP 6**

Năm học 2023 - 2024

**1. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp: 5** **; Số học sinh:**  **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có):

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 4 ; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 4 ; **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** .

**1.3. Thiết bị dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy vi tính (laptap) | 03 | Tất cả tiết dạy | Mỗi giáo viên 1 cái |
| 2 | Ti vi | 08 | Tất cả tiết dạy | Mỗi phòng học 1 cái |
| 3 | Tranh ảnh, bản đồ, đồ dùng trực quan... theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lý lớp 6 *(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT)* | Không hạn định | Tất cả tiết dạy | GV khai thác và hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |

**1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng bộ môn | 01 | Sinh hoạt tổ - nhóm chuyên môn | GV sử dụng theo kế hoạch của tổ - nhóm |
| 2 | Phòng thiết bị | 01 | Lưu giữ thiết bị và ĐDDH | GV kí mượn - trả |

**2. Kế hoạch dạy học**

**2.1. Phân phối chương trình**

**Phân môn Lịch sử**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KỲ 1** (9 tuần đầu 1 tiết; 9 tuần sau 2 tiết) | | | |
| 1 | 1 | Bài 1. Lịch sử và cuộc sống. | - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.  - Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.  - Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. |
| 2 | 2 | Bài 2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lịch sử | Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...). |
| 3 | 3 | Bài 3. Thời gian trong lịch sử | Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,... |
| 4 | 4 | Bài 4. Nguồn gốc loài người | - Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.  - Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam. |
| 5 | 5 |
| 6 | 6 | Bài 5: Xã hội nguyên thủy | - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.  - Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...).  - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người.  - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam. |
| 7 | 7 |
| 8 | 8 | Ôn tập giữa kỳ 1 |  |
| 9 | 9 | **Kiểm tra giữa kỳ 1** | Theo ma trận, đặc tả. |
| 10 | 10 | Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy | - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.  - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã.  - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.  - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.  - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun). |
| 11 |
| 11 | 12 | Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại | - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.  - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.  - Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà. |
| 13 |
| 12 | 14 | Bài 8: Ấn Độ cổ đại | - Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.  - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.  - Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ. |
| 15 |
| 13 | 16 | Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | - Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thuỷ Hoàng.  - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tuỳ.  - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. |
| 17 |
| 14 | 18 | Bài 10: Hy Lạp và La Mã cổ đại | - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã.  - Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã.  - Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã. |
| 19 |
| 15 | 20 | Bài 11: Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á. | - Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.  - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. |
| 21 |
| 16 | 22 | Bài 12: Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X) | - Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á.  - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X. |
| 23 |
| 17 | 24 | Bài 13: Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X | Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X. |
| 25 |
| 18 | 26 | Ôn tập cuối kỳ 1 |  |
| 27 | **Kiểm tra cuối kì 1** | Theo ma trận, đặc tả. |
| **HỌC KỲ 2** (8 tuần đầu 2 tiết; 9 tuần sau 1 tiết) | | | |
| 19 | 28 | Bài 14: Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc | - Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.  - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.  - Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. |
| 29 |
| 20 | 30 |
| 31 | Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc. | - Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.  - Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội,văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |
| 21 | 32 |
| 33 |
| 22 | 34 | Bài 16: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X. | Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...). |
| 35 |
| 23 | 36 |
| 37 |
| 24 | 38 |
| 39 | Bài 17: Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt | Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |
| 25 | 40 |
| 41 |
| 26 | 42 | Ôn tập giữa kỳ 2 |  |
| 43 | **Kiểm tra giữa kì 2** | Theo ma trận, đặc tả. |
| 27 | 44 | Bài 18: Bước ngoặc lịch sử đầu thế kỉ X. | - Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.  - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. |
| 28 | 45 |
| 29 | 46 |
| 30 | 47 | Bài 19: Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa. |
| 31 | 48 |
| 32 | 49 | Bài 20: Vương quốc Phù Nam | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. |
| 33 | 50 |
| 34 | 51 | Ôn tập cuối kỳ 2 |  |
| 35 | 52 | **Kiểm tra cuối kỳ 2** | Theo ma trận, đặc tả. |

**Phân môn Địa lý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KỲ 1** (9 tuần đầu 2 tiết; 9 tuần sau 1 tiết) | | | |
| 1 | 1 | Bài mở đầu | - Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học tập môn Địa lí.  - Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.  - Yêu thích môn học, thích tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lí. |
| 2 | Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí | - Biết được thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc (Xích đạo), các bán cầu, toạ độ địa lí.  - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu. Ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. |
| 2 | 3 | Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ | - Nêu được khái niệm bản đồ.  - Nhận biết được một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.  - Xác định được phương hướng trên bản đồ. |
| 4 | Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ | - Biết được tỉ lệ bản đồ.  - Tính được khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. |
| 3 | 5 | Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ | - Đọc được các kí hiệu và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  - Biết đọc bản đồ, xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Biết tìm đường đi trên bản đồ. |
| 6 |
| 4 | 7 | Bài 5: Lược đồ trí nhớ | - Biết được thế nào là lược đồ trí nhớ.  - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện một số đối tượng địa lí. |
| 8 | Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời | - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. |
| 5 | 9 | Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | - Mô tả được sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.  - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vực), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. |
| 10 |
| 6 | 11 | Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | - Biết sử dụng sơ đồ để mô tả chuyển động của Trái đất quanh Mặt Trời.  - Trình bày được hiện tượng mùa và ngày đêm dài ngắn theo mùa. |
| 12 |
| 7 | 13 | *Bài 9: Xác định phương hướng ngoài thực tế* | Xác định phương hướng ngoài thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên. |
| 14 | Bài 10: Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm 3 lớp.  - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của 2 mảng xô vào nhau. |
| 8 | 15 | Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi | - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh. - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. |
| 16 | Ôn tập giữa kì 1 |  |
| 9 | 17 | **Kiểm tra giữa kì 1** |  |
| 18 | Bài 12: Núi lửa và động đất | - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu  được nguyên nhân của hiện tượng này.  - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.  - Biết cách ứng phó khi có núi lửa và động đất. |
| 10 | 19 | Bài 13: Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản | - Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. - Kể được tên một số loại khoáng sản.  - Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản. |
| 11 | 20 |
| 12 | 21 | Bài 14: Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản | Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. |
| 13 | 22 | Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió | - Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.  - Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu.  - Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.  - Có ý thức bảo vệ bầu khí quyển và lớp ô-dôn.  - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.  - Biết cách sử dụng khí áp kế. |
| 14 | 23 |
| 15 | 24 | Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa | - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.  - Biết cách sử dụng nhiệt kế.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.  - Biết cách sử dụng ẩm kế. |
| 16 | 25 |
| 17 | 26 | Ôn tập cuối kỳ 1 |  |
| 18 | 27 | **Kiểm tra cuối kỳ 1** |  |
| **Học kỳ 2 (8 tuần đầu 1 tiết; 9 tuần sau 2 tiết)** | | | |
| 19 | 28 | Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu | - Phân biệt được thời tiết và khí hậu. - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu trên Trái Đất. - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| 20 | 29 |
| 21 | 30 | *Bài 18: Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa* | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. |
| 22 | 31 | Bài 19: Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước | - Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.  - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước. |
| 23 | 32 | Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.  - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ nước sông hồ.  - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.  - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm và băng hà. |
| 24 | 33 |
| 25 | 34 | Bài 21: Biển và đại dương | * Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới. * Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.   Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển. |
| 26 | 35 |
| 27 | 36 | Ôn tập giữa kỳ 2 |  |
| 37 | **Kiểm tra giữa kì 2** |  |
| 28 | 38 | Bài 22: Lớp đất trên Trái Đất | * Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. * Trình bày được một số nhân tố hình thành đất. * Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.   - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ đất. |
| 39 |
| 29 | 40 | Bài 23: Sự sống trên Trái Đất | * Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.   - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất. |
| 41 | Bài 24: Rừng nhiệt đới | * Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.   - Có ý thức bảo vệ rừng. |
| 30 | 42 | Bài 25: Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất | * Nêu được đặc điểm của các đới thiên nhiên trên thế giới.   Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới. |
| 43 | Bài 26: Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương | - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.  - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên. |
| 31 | 44 |
| 45 | Bài 27: Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới | * Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. * Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.   - Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. |
| 32 | 46 |
| 47 | Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên | * Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. * Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.   - Yêu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên. |
| 33 | 48 |
| 49 | Bài 29: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững | * Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững.   - Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên ở địa phương. |
| 34 | 50 | Bài 30: Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương | - Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở địa phương.  - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. |
| 51 | Ôn tập cuối kỳ 2 |  |
| 35 | 52 |
| 53 | **Kiểm tra cuối kì 2** |  |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 5 đối với phân môn Lịch sử | Trắc nghiệm khách quan và tự luận (trên giấy) |
| Tuần 9 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 11 đối với phân môn Địa lí |
| Cuối học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 18 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 16 đối với phân môn Địa lí; bài 1 đến hết bài 13 đối với phân môn Lịch sử. |
| Giữa học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 14 đến hết bài 17 đối với phân môn Lịch sử |
| Tuần 27 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 17 đến hết bài 21 đối với phân môn Địa lí |
| Cuối học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 35 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 17 đến hết bài 30 đối với phân môn Địa lí; bài 13 đến hết bài 18 và chủ đề 1 đối với phân môn Lịch sử. |

**3. Các nội dung khác (nếu có):**

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn của tổ theo định kì hằng tháng theo mô hình nghiên cứu bài học.

**II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

Năm học 2023 - 2024

**Khối lớp:**  **; Số học sinh:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Địa điểm** | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Điều kiện thực hiện** |
| 1 | Vương quốc Chăm-pa thừ thế kỉ II đến thế kỉ X | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.  - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.  - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa. | 2 | Tuần 31, 32 | Phòng học lớp 6 |  | GV nhóm Sử-Địa | Máy tính, tivi bảng phụ, tranh ảnh liên quan đến bài học |
| 2 | Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản | - Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. - Kể được tên một số loại khoáng sản.  - Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản. | 2 | Tuần 10,11 | Phòng học lớp 6 |  | GV nhóm Sử-Địa | Máy tính, tivi bảng phụ, tranh ảnh liên quan đến bài học |

|  |  |
| --- | --- |
| **DUYỆT CỦA BGH**  Nguyễn Thị Minh Phương | **TỔ TRƯỞNG**  Võ Thị Kiều Hạnh |